

PHỤ BIỂU 01: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 - 2030 CỦA HUYỆN THẠCH HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch Hà)

STT	Loại đất và công trình, dự án quy hoạch	Diện tích theo quy hoạch đã phê duyệt theo Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 08/09/2022; Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 28/04/2023 của UBND tỉnh; Quyết định 543/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 16/03/2022 của UBND tỉnh; Quyết định 1223/QĐ-UBND ngày 01/06/2023 của UBND tỉnh; Quyết định 1483/QĐ-UBND ngày 17/06/2024 của UBND tỉnh(ha)																			Diện tích đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (ha)																	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú			
		Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất																			Tổng diện tích	Sử dụng vào các loại đất																			
			LUA	HNK	CLN	NTS	RSX	RPH	NKH	TMD	DRA	DGT	DTL	DTT	DNL	NTD	ONT	MNC	SON	CSD	LUA		HNK	CLN	NTS	RSX	RPH	NKH	TMD	DRA	DGT	DTL	DTT	DNL	NTD	ONT	MNC			SON	CSD	
I	Đất nông nghiệp khác	239,83	82,49	6,70	10,72	8,43	126,83					1,37						0,08	1,54	1,67	239,83	57,61	6,70	10,72	8,43	126,83					1,37						0,08	1,54	26,55			
1.1	Đất nông nghiệp khác	171,74	28,38	1,24	8,90	6,30	125,55					1,37									171,74	20,03	1,24	8,90	6,30	125,55					1,37							8,35	Xã Nam Diễn	Điều chỉnh loại đất trong quy hoạch sử dụng đất.		
1.2	Đất nông nghiệp khác	11,60	7,75	0,47	1,51		1,28													0,59	11,60	5,75	0,47	1,51		1,28											2,59	Xã Xuân	Thạch Hà	Điều chỉnh loại đất trong quy hoạch sử dụng đất.		
1.3	Đất nông nghiệp khác	37,44	29,55	4,99	0,31													0,08	1,54	0,97	37,44	20,55	4,99	0,31											0,08	1,54	9,97	Xã Ngọc	Thạch Hà	Điều chỉnh loại đất trong quy hoạch sử dụng đất.		
1.4	Đất nông nghiệp khác	19,05	16,81			2,13														0,11	19,05	11,28			2,13													5,64	Xã Việt Tiến	Điều chỉnh loại đất trong quy hoạch sử dụng đất.		
II	Đất khu công nghiệp	200,64	109,55	0,37	13,11	5,34			1,24			14,72	12,46	0,04	0,03	0,17		1,71	0,99	40,91	200,64	154,81	2,64	0,48	0,56				0,03		17,21	10,46				0,17	0,40	0,17	1,59	12,12		
2.1	Khu công nghiệp phía Tây thành phố Hà Tĩnh	200,64	109,55	0,37	13,11	5,34			1,24			14,72	12,46	0,04	0,03	0,17		1,71	0,99	40,91	200,64	154,81	2,64	0,48	0,56				0,03		17,21	10,46			0,17	0,40	0,17	1,59	12,12	Xã Lưu Sơn	Vĩnh An	Đề xuất điều chỉnh vị trí trên bản đồ danh mục công trình dự án thực hiện trong thời kỳ 2021 - 2030.
III	Đất cụm công nghiệp	50,00	16,20	13,95	0,37		2,92	3,00			0,64	1,00	1,00	0,24				0,23			10,45	50,00	37,12	3,95	0,37		2,92	2,45			0,64	1,00	1,00	0,24			0,23			0,08		
3.1	Cụm Công nghiệp An Thịnh	50,00	16,20	13,95	0,37		2,92	3,00			0,64	1,00	1,00	0,24				0,23			10,45	50,00	37,12	3,95	0,37		2,92	2,45			0,64	1,00	1,00	0,24			0,23			0,08	Xã Bình An, Thịnh Lộc	Đề xuất điều chỉnh vị trí trên bản đồ danh mục công trình dự án thực hiện trong thời kỳ 2021 - 2030.
IV	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	16,68	3,50	2,28	0,07	0,05	7,50					2,49								0,79	16,68	3,37	2,41	0,07	0,05	7,50													3,28			
4.1	Mở rộng nghĩa trang Cồn Đồn	1,40		1,28	0,07	0,05															1,53		1,41	0,07	0,05															Xã Long	Thạch Hà	Đề xuất điều chỉnh bổ sung danh mục công trình dự án thực hiện trong thời kỳ 2021 - 2030.
4.2	Mở rộng nghĩa trang các thôn	15,28	3,50	1,00			7,50					2,49								0,79	15,15	3,37	1,00			7,50													3,28	Xã Lưu Sơn	Vĩnh An	Điều chỉnh quy mô diện tích thực hiện dự án, giảm 1 phần diện tích đã quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.
V	Đất giao thông	110,28	72,92	8,90	0,50	4,10			0,06	0,60			0,80					0,60	3,20	0,80	17,80	110,28	31,75	16,50	13,13	8,88		0,55	1,30	0,57			2,80	0,04	0,03		0,20	4,74	0,20	29,59		
5.1	Mở mới và mở rộng hệ thống giao thông trên địa bàn xã Thạch Liên	13,23	12,27						0,06	0,60							0,10		0,20		13,23	3,29	4,13	3,37				1,30	0,57				0,04	0,03		0,10	0,20	0,20		Xã Thạch Liên		Điều chỉnh hướng tuyến thực hiện dự án.
5.2	Mở rộng và mở mới hệ thống giao thông trên địa bàn xã Việt Tiến	13,01	12,61													0,10		0,30			13,01	3,70		2,85	0,30						0,50								5,66	Xã Việt Tiến		Điều chỉnh hướng tuyến thực hiện dự án.
5.3	Mở mới và mở rộng hệ thống giao thông trên địa bàn xã Thạch Ngọc	13,11	13,01													0,10					13,11	4,96	1,00	2,20	2,10						1,00							1,85	Xã Ngọc	Thạch Hà	Điều chỉnh hướng tuyến thực hiện dự án.	
5.4	Mở mới và mở rộng đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Nam Diễn	6,08	5,77													0,10				0,21	6,08	1,52	0,50	2,00	1,00		0,25				0,50				0,10			0,21	Xã Nam Diễn		Điều chỉnh hướng tuyến thực hiện dự án.	
5.5	Mở rộng và mở mới hệ thống giao thông trên địa bàn xã Thạch Xuân	5,57	5,07													0,20		0,30			5,57	1,30	0,50	2,14	1,33		0,30												Xã Xuân	Thạch Hà	Điều chỉnh hướng tuyến thực hiện dự án.	
5.6	Quy hoạch giao thông trong các khu đất cấp đất ở mới tại nông thôn	59,28	24,19	8,90	0,50	4,10							0,80					3,20		17,59	59,28	16,98	10,37	0,57	4,15						0,80					4,54		21,87	Các xã trên địa bàn huyện Thạch Hà		Điều chỉnh hướng tuyến thực hiện dự án.	
	TỔNG	617,43	284,66	32,20	24,77	17,92	137,25	3,00	1,30	0,60	0,64	19,58	14,26	0,28	0,03	0,17	0,83	4,99	3,33	71,62	617,43	284,66	32,20	24,77	17,92	137,25	3,00	1,30	0,60	0,64	19,58	14,26	0,28	0,03	0,17	0,83	4,99	3,33	71,62			